

Bản án số: 58/2024/HSST
Ngày 12-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lâm; bà Nguyễn Thị Mùa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐ-XX ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Thị A**, sinh năm 1986, tại: Thái Bình; nơi cư trú: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Đào Văn B, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; bị cáo có chồng là ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1982 và hai người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 4 năm 2024 đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; ngày 26 tháng 4 năm 2024 bị Cơ quan CSĐT H an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can. Bị can bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 4 năm 2024 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024 thì được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị Vân D1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn ĐS 1, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt có lý do*).

2. Ông Đặng Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn ĐS 1, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

3. Ông Lăng Văn E, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn BK, xã ĐỎ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

4. Ông Diểu F, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn BK, xã ĐỎ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

5. Ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

6. Bà Trịnh Thị Huyền G, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn ĐS 1, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt có lý do*).

7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn ĐS 1, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 04 năm 2024, Đào Thị A thường xuyên cho những người dân tại xã PN và xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập vay tiền với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày (*tương ứng với lãi suất là 9,125%/01 tháng, 109,5%/ 01 năm*), cụ thể như sau:

1. Từ năm 2019 đến năm 2022, A cho bà Đào Thị Vân D1 vay 03 lần với tổng số tiền là 1.480.000.000 đồng (*ngày 15 tháng 9 năm 2019 vay 830.000.000 đồng; ngày 23 tháng 11 năm 2021 vay 250.000.000 đồng; ngày 20 tháng 4 năm 2022 vay 400.000.000 đồng*). Các khoản vay này bà Vân D1 trả tiền lãi đến ngày 20 tháng 10 năm 2022. Ngày 26 tháng 12 năm 2022, bà Vân D1 tiếp tục trả thêm cho A 70.000.000 đồng tiền lãi nữa thì hết khả năng trả nợ. Ngày 16 tháng 01 năm 2023, bà Vân D1 viết giấy nhận nợ chót đến ngày 31 tháng 3 năm 2023 thì sẽ trả tiền gốc và lãi là 3.150.000.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 1.480.000.000 đồng và tiền lãi là 1.670.000.000 đồng*). A đã thu lãi 300.000.000 đồng (*lãi theo quy định của Bộ Luật dân sự là 54.794.521 đồng; lãi thu lợi bất chính là 245.205.479 đồng*), A chưa thu được tiền gốc của bà Vân D1.

2. Từ tháng 02 năm 2022 đến tháng 05 năm 2022, A cho ông Đặng Đ vay tổng cộng 04 lần với tổng số tiền là 2.250.000.000 đồng (*ngày 28 tháng 2 năm 2022 vay 250.000.000 đồng; ngày 11 tháng 3 năm 2022 vay 400.000.000 đồng; ngày 31 tháng 3 năm 2022 vay 600.000.000 đồng; ngày 04 tháng 5 năm 2022 vay 1.000.000.000 đồng*). Đến ngày 18 tháng 4 năm 2024, ông Đ đã trả cho A tiền gốc là 1.250.000.000 đồng và tiền lãi là 1.083.400.000 đồng (*trong đó lãi theo quy định của Bộ Luật dân sự là 197.882.000 đồng; lãi thu lợi bất chính là 885.518.000 đồng*).

3. Từ tháng 05 năm 2022 đến tháng 08 năm 2022, A cho bà Trịnh Thị Huyền G vay tổng cộng 02 lần với tổng số tiền là 260.000.000 đồng (*ngày 08 tháng 5 năm 2022 vay 60.000.000 đồng; ngày 08 tháng 8 năm 2022 vay 200.000.000 đồng*). Các khoản vay này bà G đã trả tiền lãi được 130.000.000 đồng thì hết khả năng trả nợ. Ngày 05 tháng 02 năm 2023, ông Nguyễn Văn H là chồng của bà G viết giấy nhận nợ cho A chót đến ngày 29 tháng 2 năm 2023 sẽ trả số tiền cả gốc và lãi là 381.000.000 đồng (*trong đó tiền gốc là 260.000.000 đồng và tiền lãi là 121.000.000 đồng*). A đã thu tiền lãi là 130.000.000 đồng (*lãi theo quy định của Bộ Luật dân sự là 23.744.293 đồng; lãi thu lợi bất chính là 106.255.707 đồng*) và 60.000.000 đồng tiền gốc.

4. Khoảng tháng 4 năm 2022 (*không rõ ngày*) A cho ông Lăng Văn E vay số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền lãi A tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 91.650.000 đồng (*lãi sẽ thu lợi bất chính là 74.910.274 đồng*). A chưa thu được tiền lãi và tiền gốc.

5. Từ tháng 08 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, A cho ông Điều F vay 03 lần với tổng số tiền là 8.000.000 đồng (ngày 08 tháng 8 năm 2021 vay 6.000.000 đồng; ngày 09 tháng 6 năm 2021 vay 1.000.000 đồng; ngày 31 tháng 12 năm 2022 vay 1.000.000 đồng). Số tiền lãi A tính đến ngày 18 tháng 4 năm 2024 là 21.999.000 đồng (lãi sẽ thu lợi bất chính là 17.980.918 đồng). A chưa thu được tiền lãi và tiền gốc.

Ngày 18 tháng 4 năm 2024, A đến Cơ quan CSĐT H an huyện Bù Gia Mập đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng Gold; 01 tờ giấy lịch nội dung ghi tiền nợ gốc và lãi suất giữa ông H và A; 01 tờ giấy tập học sinh ghi nhận nợ giữa bà Vân D1 và A để phục vụ công tác điều tra.

Trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 4 năm 2024, A sử dụng số tiền 4.048.000.000 đồng cho bà Vân D1, ông Đ, bà G, ông E, ông F vay với lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày là gấp 5,475 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ Luật dân sự 2015 (lãi suất tương đương 9.125%/tháng, 109,5%/01 năm). A đã thu tiền lãi tổng cộng là 1.513.400.000 đồng (trong đó lãi theo quy định là 276.420.093 đồng, lãi vượt quá quy định là 1.236.979.907 đồng).

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng Gold là tài sản của A đã sử dụng để liên lạc với những người vay mượn tiền để thu hồi nợ, do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại này.

Đối với 01 tờ giấy lịch ghi tiền nợ gốc và lãi giữa ông H và A; 01 tờ giấy tập học sinh ghi nhận nợ giữa bà Vân D1 và A tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Truy thu của A số tiền 60.000.000 đồng là tiền gốc mà bà G đã trả cho A; 1.250.000.000 đồng là số tiền gốc mà ông Đ đã trả cho A và tổng số tiền lãi là 276.420.093 đồng mà A đã thu của những người vay (tiền lãi theo quy định) để nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bà Vân D1 số tiền 1.480.000.000 đồng, ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng, bà G số tiền 200.000.000 đồng, ông E số tiền 50.000.000 đồng, ông F số tiền 8.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc A phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (lãi suất vượt quá quy định) cho bà Vân D1 số tiền 245.205.479 đồng (đã khắc phục hậu quả là 200.000.000 đồng nên còn phải nộp 45.205.479 đồng), ông Đ số tiền 885.518.000 đồng, bà G số tiền 106.255.707 đồng (đã khắc phục hậu quả là 5.000.000 đồng nên còn phải nộp 101.255.707 đồng).

Bản cáo trạng số 50/CT-VKSBGM ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo Đào Thị A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo bị cáo Đào Thị A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Thị A từ 18 – 21 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 - 42 tháng.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng Bộ luật Hình sự để xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Các hành vi phạm tội thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở đi thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đào Thị A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng số 50/CTr-VKSBGM ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố.

Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, nên từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 đến ngày 18 tháng 4 năm 2024, bị cáo A đã sử dụng số tiền 4.048.000.000 đồng cho bà Vân D1, ông Đ, bà G, ông E, ông F vay với lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày là cao gấp 5,475 lần theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 (*lãi suất tương đương 9.125%/ tháng, 109,5%/ 01 năm*). Bị cáo đã thu tiền lãi tổng cộng là 1.513.400.000 đồng (*trong đó lãi theo quy định là 276.420.093 đồng, lãi vượt quá quy định là 1.236.979.907 đồng*). Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và bị cáo biết được rằng việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ và mục đích cá nhân mà bị cáo đã phạm tội. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đã truy tố bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với

hành vi, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, tôn trọng lợi ích hợp pháp của công dân và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục một phần hậu quả cho bà G, ông H là 5.000.000 đồng, bà Vân D1 là 200.000.000 đồng và được những người này xin giảm nhẹ hình phạt; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an để đầu thú. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự, nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi lượng hình.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Truy thu của A số tiền 60.000.000 đồng là tiền gốc mà bà G đã trả cho A; 1.250.000.000 đồng là số tiền gốc mà ông Đ đã trả cho A và tổng số tiền lãi là 276.420.093 đồng mà A đã thu của những người vay (*tiền lãi theo quy định*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bà Vân D1 số tiền 1.480.000.000 đồng, ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng, bà G số tiền 200.000.000 đồng, ông E số tiền 50.000.000 đồng, ông F số tiền 8.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc A phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (*lãi suất vượt quá quy định*) cho bà Vân D số tiền 245.205.479 đồng (*đã khắc phục hậu quả là 200.000.000 đồng nên còn phải nộp 45.205.479 đồng*), ông Đ số tiền 885.518.000 đồng, bà G số tiền 106.255.707 đồng (*đã khắc phục hậu quả là 5.000.000 đồng nên còn phải nộp 101.255.707 đồng*).

[8] Về vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng Gold là của bị cáo A đã sử dụng nhằm liên lạc với những người vay mượn tiền để thu hồi nợ.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án đối với 01 tờ giấy lịch ghi tiền nợ gốc và lãi giữa ông H và bị cáo A; 01 tờ giấy tập học sinh ghi nhận nợ giữa bà Vân D1 với bị cáo A.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy của pháp luật.

[10] Đối với lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa, Hội đồng xét thấy có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Đào Thị A** (*tên gọi khác: Không*), phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đào Thị A **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **03 (ba)** năm tính từ ngày tuyên án.

Tuyên giao bị cáo cho UBND xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Truy thu của A số tiền 60.000.000 đồng là tiền gốc mà bà G đã trả cho A; 1.250.000.000 đồng là số tiền gốc mà ông Đ đã trả cho A và tổng số tiền lãi là 276.420.093 đồng mà A đã thu của những người vay (*tiền lãi theo quy định*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bà Vân D1 số tiền 1.480.000.000 đồng, ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng, bà G số tiền 200.000.000 đồng, ông E số tiền 50.000.000 đồng, ông F số tiền 8.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc A phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (*lãi suất vượt quá quy định*) cho bà Vân D số tiền 245.205.479 đồng (*đã khắc phục hậu quả là 200.000.000 đồng nên còn phải nộp 45.205.479 đồng*), ông Đ số tiền 885.518.000 đồng, bà G số tiền 106.255.707 đồng (*đã khắc phục hậu quả là 5.000.000 đồng nên còn phải nộp 101.255.707 đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng:

Áp dụng các Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng Gold của bị cáo Đào Thị A.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0008905; Quyền số 0179; Ký hiệu D47/2017 ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập).

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Thị A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 42.959.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã PN;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VĂN PHÚ VINH